TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 5 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ

2. Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn V; địa chỉ: Thôn 13, xã LN, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị M; địa chỉ: Thôn 13, xã LN, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Dương Văn V và chị Trần Thị M xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết

hôn. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2004 đến nay. Anh Dương Văn V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn chị Trần Thị M. Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Thị TH, sinh ngày 14 tháng 11 băn 1989 và Dương Thị TT, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1992. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết về con chung. Vợ chồng có tài sản chung nhưng không nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Chị Trần Thị M đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn V và chị Trần Thị M. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không có yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung không xem xét giải quyết vì không có yêu cầu giải quyết. Anh Dương Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản tự khai của đương sự; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của con; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định anh Dương Văn V và chị Trần Thị M không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc chung sống giữa anh Dương Văn V và chị Trần Thị M từ năm 1989 mặc dù có tổ chức cưới và đến nay đã có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Nay anh Dương Văn V có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung: Anh Dương Văn V và chị Trần Thị M có 02 con chung tên Dương Thị TH, sinh ngày 14 tháng 11 băn 1989 và Dương Thị TT, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1992. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động, không có đề nghị giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Dương Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Văn V và chị Trần Thị M.

2. Về án phí: Anh Dương Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000469 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; anh Dương Văn V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã LN;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn